TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **32**/2026/DS-ST
Ngày: 29/01/2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Trung Thành

Ông Võ Văn Cường

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2025/TLST- DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2025/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự.

Nguyên đơn:
Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (có mặt);
Số căn cước công dân: 082081015791;
Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Đ.

Bị đơn:
Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1975 (vắng mặt);
Số căn cước công dân: 082075013895;
Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (có mặt);
Số căn cước công dân: 082174003163;
Cùng địa chỉ: Số 155, tổ 4, ấp H, xã M, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Ngô Thị TH, sinh năm 1975 (có mặt);
Số căn cước công dân: 082175015041;
Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Do quen biết trước đó nên ông có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị T mượn nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 25/11/2024 âm lịch: mượn số tiền 518.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 25/3/2025. Ông O, bà T có ký tên vào biên nhận.

- Ngày 25/12/2024 âm lịch: mượn số tiền 53.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 25/01/2025. Ông O, Bà T có ký tên vào biên nhận.

- Ngày 30/12/2024 âm lịch: mượn số tiền 160.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 30/4/2025. Ông O, bà T có ký tên vào biên nhận.

- Ngày 25/01/2025 âm lịch: mượn số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 25/3/2025. Bà T có ký tên vào biên nhận.

- Ngày 15/02/2025 âm lịch: mượn số tiền 470.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 15/4/2025. Bà T có ký tên vào biên nhận.

Những lần nguyên đơn cho bị đơn mượn tiền thì hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất cứ 100.000.000 đồng tiền vốn vay thì lãi suất là 1.500.000 đồng/tháng. Từ khi vay đến nay thì bị đơn vẫn chưa trả tiền vốn và lãi nào cho nguyên đơn như thỏa thuận.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vốn vay 1.651.000.000 đồng, yêu cầu trả trong thời hạn 02 năm, thời gian trả tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà có nợ ông T số tiền 1.651.000.000 đồng, nhưng đây là số tiền nợ hụi chứ không phải là tiền vay. Các biên nhận đề ngày 25/11/2024, ngày 25/12/2024, ngày 30/12/2024 mà ông T cung cấp thì nội dung do ông T viết, bà và ông O thống nhất nội dung rồi ký tên, lăn tay vào biên nhận. Riêng biên nhận đề ngày 25/01/2025, ngày 15/02/2025 thì do ông O đã bỏ đi nên chỉ có bà ký tên. Mục đích vay tiền là để phục vụ kinh tế chung cho gia đình, khi vay tiền thì hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 60%/năm. Từ khi vay đến nay thì bà và ông O chưa trả tiền vốn và lãi nào cho nguyên đơn. Hiện bà còn nợ ông T số tiền 1.651.000.000 đồng. Bà cũng đồng ý trả số tiền nợ trong thời hạn 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn O* đã được Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông O không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị TH trình bày:*

Bà là vợ ông Nguyễn Văn T. Bà có làm đầu thảo hụi, bà T có tham gia chơi hụi. Hiện còn một dây hụi khui ngày 15/02/2024, hụi 10.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, bà T đã hốt hụi, hiện còn nợ 14 phần hụi chết chưa đóng cho bà. Việc bà T trình bày số tiền ông T kiện là tiền nợ hụi của bà là không đúng. Đó là tiền vay của ông T, không liên quan đến tiền hụi của bà. Đối với giấy hụi, giấy tính tiền hụi bà T cung cấp cho Tòa án thì đó là các dây hụi đã mãn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến và đề nghị:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 68, 79, 71, 72, 73, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự, đề nghị xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền 1.651.000.000 đồng, trả trong thời hạn hai năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông O là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản". Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 155, tổ 4, ấp H, xã H, tỉnh Đ căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, phía nguyên đơn xác định có cho bị đơn vay số tiền 1.651.000.000 đồng, nguyên đơn cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là bản chính biên nhận đề ngày 25/11/2024, ngày 25/12/2024, ngày 30/12/2024, ngày 25/01/2025, ngày 15/02/2025 có chữ ký của ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị T. Nhưng khi đến hạn trả tiền thì ông O, bà T không thực hiện việc trả tiền như đã thỏa thuận. Việc bị đơn không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ

trả tiền cho nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà T cũng thống nhất hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.651.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét, lời trình bày của bị đơn bà T cho rằng số tiền 1.651.000.000 đồng là tiền nợ hụi, chứ không phải là tiền vay. Căn cứ vào nội dung của các biên nhận mượn tiền ngày đề ngày 25/11/2024, ngày 25/12/2024, ngày 30/12/2024, ngày 25/01/2025, ngày 15/02/2025 không có câu từ nào thể hiện số tiền trong biên nhận là tiền nợ hụi. Mặc khác, lời trình bày của bị đơn cũng không được ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị TH thừa nhận. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ bà T cung cấp thì không có tài liệu nào chứng minh số tiền nguyên đơn kiện yêu cầu bị đơn trả là tiền nợ hụi chứ không phải là tiền vay. Do đó, lời trình bày của bị đơn bà T không có cơ sở để hội đồng xét xử xem xét.

[5] Xét, biên nhận ngày 25/01/2025 âm lịch, ngày 15/02/2025 âm lịch chỉ có chữ ký của bà Nguyễn Thị T, không có chữ ký của ông Nguyễn Văn O. Nguyên đơn có yêu cầu ông Nguyễn Văn O là chồng của bà T có nghĩa vụ cùng với bà T trả số tiền nợ đối với số tiền của các biên nhận ngày 25/01/2025, ngày 15/02/2025. Xét thấy, ông Nguyễn Văn O đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông O vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn ông O đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn ông O có nghĩa vụ trả, nhưng ông O đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không, đều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn ông O đã thừa nhận số tiền còn nợ mà phía nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn ông O phải trả nên ông O không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ của nguyên đơn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Mặt khác, bà T cũng xác định mục đích vay tiền là phục vụ cho kinh tế chung của gia đình. Mặc dù, ông O không có ký tên vào biên nhận nhưng mục đích vay tiền của bà T cũng nhằm mục đích phục vụ cho cuộc sống gia đình, ông O là chồng của bà T, đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông O phải có nghĩa vụ trả nợ hụi cùng với bà T theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn và bị đơn bà T thống nhất thời gian trả số tiền 1.651.000.000 đồng là trong thời hạn 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông O vắng mặt không có ý kiến gì. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn O số tiền vốn vay 1.651.000.000 (Một tỷ sáu trăm năm mươi mốt triệu) đồng, trả trong thời hạn hai năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên bị đơn ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + 3% (1.651.000.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 61.530.000 (Sáu mươi mốt triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng. Nhưng do ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị T có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và đã được UBND xã M xác nhận, nên xét giảm cho ông O, bà T 30.765.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông O bà T còn phải nộp tiếp số tiền là 30.765.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1.Về dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn O bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền vốn vay 1.651.000.000 (Một tỷ sáu trăm năm mươi mốt triệu) đồng, trả trong thời hạn hai năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

Ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị T phải chịu 30.765.000 (Ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông Nguyễn Văn T số tiền 30.765.000 (Ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0001914 ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn bà Huỳnh Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị TH có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn O được quyền kháng cáo bản án sở thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 5 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Thoa